

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

Quy định quản lý Chương trình

Phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020

Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.¹

¹ Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 (*sau đây gọi tắt là Chương trình*) được phê duyệt tại Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện, quản lý Chương trình và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thị trường khoa học và công nghệ* là môi trường pháp lý, đầu tư và thương mại thúc đẩy quan hệ giao dịch, trao đổi, mua bán các sản phẩm, dịch vụ khoa học và công nghệ được vận hành có sự định hướng, điều tiết và hỗ trợ của Nhà nước.

2. *Tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là tổ chức trung gian)* là tổ chức được quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 1 và có chức năng quy định tại Điều 3 của Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

3. *Xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ* là hoạt động thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội, hỗ trợ giao dịch, trao đổi, mua bán sản phẩm, dịch vụ khoa học và công nghệ thông qua các hình thức như hội chợ, triển lãm, trình diễn, giới thiệu công nghệ của tổ chức ở trong và ngoài nước.

4. *Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình (sau đây gọi tắt là tổ chức chủ trì)* là tổ chức được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5. *Đơn vị quản lý các nhiệm vụ của Chương trình* là Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020”

6.² Đơn vị quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình là Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Ban Chủ nhiệm Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Ban Chủ nhiệm Chương trình) là tổ chức tư vấn giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xác định phương hướng, mục tiêu, nội dung nhiệm vụ chủ yếu của Chương trình trong từng giai đoạn.

Điều 3. Nhiệm vụ thuộc Chương trình³

1. Nhiệm vụ thuộc Chương trình bao gồm:

a) Đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ thuộc Chương trình được quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

b) Dự án đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ được quy định tại Điều 8 của Thông tư này; Dự án xây dựng các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ được quy định tại Điều 10 của Thông tư này;

c) Dự án khoa học và công nghệ được quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 và Điều 15 của Thông tư này;

d) Nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ được quy định tại Khoản 2 Điều này;

đ) Hoạt động quản lý của Chương trình được quy định tại Khoản 3 Điều này.

2. Nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ bao gồm:

a) Tổ chức hoặc tham gia các sự kiện chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techmart ảo, Techmart trực tuyến; vận hành cổng thông tin giao dịch công nghệ, sàn giao dịch công nghệ; hội thảo, tọa đàm phổ biến công nghệ thích hợp, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến;

b) Trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo); xúc tiến thương mại hóa công nghệ; điều tra, đánh giá đổi mới công nghệ của doanh nghiệp; hỗ trợ hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ cho các Trung tâm ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ địa phương;

c) Tổ chức hội thảo triển lãm giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ sở nghiên cứu, đào tạo; ngày hội khởi nghiệp công nghệ và các sự kiện về đổi mới sáng tạo; triển lãm sáng chế, triển lãm sản phẩm khoa học

² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

và công nghệ tiềm năng thương mại hóa ở trong nước và nước ngoài; hội nghị phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hội nghị phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ thị trường khoa học và công nghệ; duy trì, cập nhật và phát triển cơ sở dữ liệu, cổng thông tin, trang thông tin điện tử về thị trường khoa học và công nghệ; khảo sát xác định giá trị giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ;

d) Các hoạt động cần thiết khác để xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

3. Hoạt động quản lý Chương trình bao gồm:

a) Hoạt động của Ban Chủ nhiệm Chương trình; hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình của Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và các đơn vị chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Truyền thông, tập huấn về việc quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình;

c) Tổ chức các chương trình tham quan, khảo sát thực tế và học tập kinh nghiệm từ các mô hình phát triển thị trường khoa học và công nghệ thành công, tiêu biểu ở trong nước và nước ngoài;

d) Các hoạt động khác trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình.

Điều 4. Dự án đầu tư thuộc Chương trình

1.⁴ Thủ tục thẩm định, tổ chức thực hiện, điều chỉnh nội dung tiến độ thực hiện, nghiệm thu, thanh quyết toán, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nội dung nhiệm vụ liên quan đến dự án đầu tư xây dựng, tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ cho các sản phẩm công nghệ công lập, trung tâm giao dịch công nghệ công lập thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức trung gian công lập khác được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Nguyên tắc chung xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình

Việc xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình tuân theo nguyên tắc sau đây:

1.⁵ Có nội dung phù hợp với định hướng nhiệm vụ của Chương trình được quy

⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

định trong Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Khung Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

2. Có mục tiêu rõ ràng, cụ thể và có tác động tích cực đến tăng trưởng giao dịch công nghệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

3. Có tính khả thi, trong đó tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ phải đáp ứng các điều kiện cần thiết về năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, tài chính để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

4. Nội dung hoạt động đã được cấp kinh phí ngân sách nhà nước theo các nguồn khác để thực hiện thì không được xem xét hỗ trợ kinh phí ngân sách nhà nước theo nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5.⁶ Một nhiệm vụ có thể bao gồm một hoặc một số nội dung thuộc các nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này.

6.⁷ Việc xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình có thể được thực hiện hàng năm hoặc trong một giai đoạn phù hợp với yêu cầu của thực tiễn.

Điều 6. Mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình⁸

Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện việc ghi mã số nhiệm vụ thuộc Chương trình khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quy định tại các điểm a, c, d Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, tương ứng như sau:

TTKH-CN.ĐT.XX-YY;

TTKH-CN.ĐA.XX-YY;

TTKH-CN.DA.XX-YY;

TTKH-CN.HĐ.XX-YY.

Trong đó:

TTKH-CN là ký hiệu của Chương trình;

ĐT là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức đề tài;

⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKH-CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKH-CN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKH-CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKH-CN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

⁸ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKH-CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKH-CN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

ĐA là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức đề án;

DA là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức dự án;

HD là ký hiệu của hồ sơ đăng ký dưới hình thức nhiệm vụ hàng năm, định kỳ;

XX là ký hiệu số thứ tự của hồ sơ đăng ký;

YY là ký hiệu năm tiếp nhận hồ sơ đăng ký;

Ví dụ: TTKHCN.DA.01-2016 đề chỉ hồ sơ đăng ký dưới dạng dự án số 01 được tiếp nhận vào năm 2016 thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

Chương II

TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN LỰA CHỌN, NỘI DUNG HỖ TRỢ

Điều 7. Đề án khoa học, đề tài khoa học và công nghệ thuộc Chương trình

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Mục tiêu, nội dung và sản phẩm nghiên cứu phù hợp với mục tiêu, nội dung nhiệm vụ thuộc Chương trình;

c) Có đội ngũ chuyên gia có năng lực nghiên cứu và đưa ra giải pháp khả thi cho những vấn đề thực tiễn để phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về cơ chế quản lý, chức năng bộ máy quản lý nhà nước phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Nghiên cứu đề xuất biện pháp tăng cường thực thi quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể tham gia giao dịch công nghệ;

c) Nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ tiêu phục vụ điều tra, khảo sát, thống kê, báo cáo, đánh giá năng lực cung và cầu công nghệ;

d) Nghiên cứu xây dựng quy hoạch, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển mạng lưới tổ chức trung gian, khuyến khích phát triển dịch vụ khoa học và công nghệ;

đ) Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nâng cao nhận thức về thị trường khoa học và công nghệ;

e) Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc đẩy quan hệ cung - cầu công nghệ, nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức trung gian;

g) Nghiên cứu đề xuất cơ chế hợp tác công tư, liên kết giữa tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với doanh nghiệp, nhà đầu tư, nhà tư

vấn đề thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

h) Nghiên cứu đổi mới hoạt động của hệ thống quỹ khoa học và công nghệ; xây dựng cơ chế, chính sách phát triển quỹ đầu tư mạo hiểm phục vụ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

i) Nghiên cứu đổi mới quy trình, thủ tục đăng ký thành lập và hoạt động của tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ;

k) Nghiên cứu xây dựng cơ chế phối hợp, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 8. Dự án đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ, trung tâm giao dịch công nghệ

Tiêu chí, điều kiện lựa chọn và nội dung hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng các sàn giao dịch công nghệ quốc gia tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, sàn giao dịch công nghệ vùng, trung tâm giao dịch công nghệ công lập thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về dự án đầu tư phát triển.

Điều 9. Dự án thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian⁹

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ;

b) Có dự án thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Tư vấn, xây dựng, thẩm định đề án thành lập, nâng cao năng lực tổ chức, hoạt động của tổ chức trung gian;

b) Đào tạo kỹ năng thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đặt hàng thực hiện dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật, môi giới, tư vấn, đánh giá, định giá, giám định công nghệ, tài sản trí tuệ;

c) Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về thành lập, quản lý, điều hành tổ chức trung gian; đào tạo nhân lực chuyên môn cho tổ chức trung gian;

d) Hoạt động thuộc chức năng của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ;

đ) Xây dựng, duy trì, cập nhật và phát triển cơ sở dữ liệu, công thông tin, trang thông tin điện tử về thị trường khoa học và công nghệ.

⁹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKH-CN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKH-CN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

Điều 10. Dự án xây dựng các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn, nội dung hỗ trợ đối với dự án thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 19/2013/TT-BKHHCN ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, Thông tư liên tịch số 49/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 23 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính của Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

2. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn, nội dung hỗ trợ đối với dự án đầu tư xây dựng cơ bản các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo các quy định pháp luật đối với dự án đầu tư phát triển.

3. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn, nội dung hỗ trợ hoạt động của cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã thành lập thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 9 và Khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

Điều 11. Dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng kiến thức liên quan đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Có đội ngũ cán bộ, chuyên gia, cộng tác viên có khả năng chuyên môn phù hợp với công tác phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Có khung chương trình đào tạo, khung tài liệu giảng dạy phù hợp với mục đích, nhu cầu thực tiễn của đối tượng được đào tạo được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt hoặc chấp thuận.

2. Nội dung hỗ trợ

a)¹⁰ Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ở trong và ngoài nước, đào tạo qua mạng thông tin điện tử về kiến thức, kỹ năng, thực hành chuyển giao, làm chủ công nghệ; kiến thức, kỹ năng, thực hành quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

¹⁰ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

b) Đào tạo bồi dưỡng, tập huấn ở trong và ngoài nước, đào tạo qua mạng thông tin điện tử về nghiệp vụ chuyên môn phục vụ công tác phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Biên soạn, phát hành tài liệu kỹ thuật, tài liệu mẫu, tài liệu hướng dẫn giao dịch công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; cung cấp, hướng dẫn khai thác thông tin công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

d) Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình trao đổi chuyên gia, thực tập viên để chia sẻ kinh nghiệm thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ giữa các cơ sở nghiên cứu, cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

Điều 12. Dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ;

b) Có đội ngũ nhân lực chuyên môn hoặc có liên kết, hợp tác với tổ chức có đội ngũ nhân lực chuyên môn có năng lực đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ;

c) Xác định được tiêu chí đánh giá phù hợp với mục đích đánh giá;

d) Đề xuất được phương thức đánh giá khả thi và phù hợp với đặc điểm nguồn cung công nghệ, nguồn cầu công nghệ.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Tìm kiếm, chọn lọc công nghệ, thông tin công nghệ từ cơ sở dữ liệu, mạng thông tin điện tử theo đặt hàng cung - cầu công nghệ;

b) Xây dựng, duy trì và phát triển cơ sở dữ liệu về nguồn cung công nghệ, nguồn cầu công nghệ và kết nối cung - cầu công nghệ;

c) Thiết lập, duy trì và phát triển các kênh thông tin tư vấn, cổng thông tin điện tử về giao dịch công nghệ (gồm cả techmart online), thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

d) Đánh giá năng lực và khả năng khai thác nguồn cung công nghệ, nguồn cầu công nghệ.

Điều 13. Dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ¹¹

¹¹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có khả năng xây dựng phương án, mô hình, giải pháp khả thi để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ; hoặc

b) Tổ chức, cá nhân có công nghệ, sản phẩm công nghệ có khả năng tăng trưởng về quy mô thị trường; tổ chức, cá nhân ứng dụng công nghệ, sử dụng sản phẩm công nghệ; tổ chức, cá nhân đặt hàng sản xuất, chuyển giao công nghệ, hợp tác đầu tư, tiêu thụ sản phẩm.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Thuê chuyên gia xây dựng phương án thương mại hóa, đánh giá, định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ. Nội dung phương án bao gồm: xây dựng mô hình, chiến lược kinh doanh; phương án giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phương án chuyển giao công nghệ; phương án đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; phương án ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; phương án thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc doanh nghiệp;

b) Hoàn thiện, thử nghiệm sản phẩm công nghệ (làm sản phẩm mẫu, mô hình mẫu, làm sản phẩm thử nghiệm, tổ chức khảo sát, thử nghiệm thị trường, đánh giá kết quả thử nghiệm thị trường, hoàn thiện công nghệ, hoàn thiện sản phẩm công nghệ); xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm định, hiệu chuẩn công nghệ, hiệu chuẩn sản phẩm công nghệ; các thủ tục liên quan đến đăng ký sở hữu trí tuệ, cấp phép lưu hành công nghệ, sản phẩm công nghệ;

c) Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường; ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ vào sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ công phục vụ lợi ích cộng đồng, an sinh xã hội;

d) Tham gia đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kiến thức, kỹ năng, thực hành chuyển giao, làm chủ công nghệ; kiến thức, kỹ năng, thực hành quản lý, tổ chức, điều hành các hoạt động phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

đ) Tham gia các sự kiện xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế;

e) Xây dựng kịch bản, sản phẩm truyền thông theo chuyên đề về thương mại hóa công nghệ, sản phẩm công nghệ.

Điều 14. Dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ thực hiện hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Có đội ngũ nhân lực chuyên môn có khả năng thực hiện hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Có kế hoạch hoạt động cụ thể và đảm bảo nguồn lực thực hiện dự án;

d) Xác định được cách thức, biện pháp đáp ứng nhu cầu phát triển của thị trường khoa học và công nghệ.

2.¹² Nội dung hỗ trợ

a) Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường, thu thập thông tin, xác định đối tượng tiềm năng của hoạt động xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Tổ chức hoặc tham gia các sự kiện chợ công nghệ và thiết bị (Techmart), Techmart ảo, Techmart trực tuyến; hội thảo, tọa đàm phổ biến công nghệ thích hợp, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; trình diễn kết nối cung cầu công nghệ (Techdemo), xúc tiến thương mại hóa công nghệ; tổ chức hội thảo triển lãm giới thiệu kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của cơ sở nghiên cứu, đào tạo; ngày hội khởi nghiệp công nghệ và các sự kiện về đổi mới sáng tạo; triển lãm sáng chế, triển lãm sản phẩm khoa học và công nghệ tiềm năng thương mại hóa ở trong nước và nước ngoài; hội nghị phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hội nghị phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ, bao gồm các hoạt động sau:

- Hoạt động của chuyên gia tư vấn chỉ đạo, thiết kế mỹ thuật, trang trí tổng thể, kỹ thuật âm thanh, ánh sáng;

- Lễ khai mạc, hoạt động của người dẫn chương trình, hỗ trợ kỹ thuật;

- Hoạt động của người tham gia sự kiện, bao gồm đi lại, ăn ở, vận chuyển trang thiết bị, hàng mẫu, mô hình;

- Hoạt động của ban tổ chức, hội đồng tư vấn, hội đồng xét thưởng, chuyên gia tư vấn, nhà khoa học độc lập, người tham gia trưng bày gian hàng, các thành phần khác tham gia sự kiện;

- Thông tin liên lạc, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng; lập dữ liệu điện tử để quảng bá sự kiện;

- In ấn tài liệu cần thiết (brochure, catalog, giấy mời...) của sự kiện;

- Dịch thuật; tổ chức hội thảo khoa học và công nghệ;

- Thuê mặt bằng (bao gồm cả an ninh, bảo vệ, điện nước); dàn dựng gian hàng; trưng bày sản phẩm;

- Khen thưởng (bằng khen, giấy khen), giấy chứng nhận, phù hiệu, kỷ niệm chương; tổ chức lễ trao thưởng;

- Các hoạt động cần thiết khác.

¹² Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

c) Tư vấn, giới thiệu, quảng bá, xúc tiến thương mại hóa công nghệ mới, sản phẩm tạo ra từ công nghệ mới của tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, cá nhân nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm giao dịch công nghệ và các Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 15. Dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện lựa chọn

a) Tổ chức có chức năng, nhiệm vụ triển khai các hoạt động truyền thông để phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

b) Có đội ngũ nhân lực, cộng tác viên có nghiệp vụ chuyên môn thực hiện các hoạt động truyền thông để phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

c) Xác định được đúng nhu cầu, có mục tiêu cụ thể, chiến lược hoạt động rõ ràng;

d) Xác định được phương thức, dự kiến hiệu quả của hoạt động truyền thông; cách thức truyền thông có tính mới.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Xây dựng kịch bản, thu thập thông tin, triển khai nội dung chuyên môn của chương trình truyền thông (gồm cả chương trình phát thanh, phát hình, phóng sự, trò chơi, tọa đàm) về đổi mới sáng tạo, liên kết đầu tư nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

b) Vinh danh, khen thưởng tổ chức, cá nhân tiêu biểu trong đổi mới sáng tạo, xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;

c) Truyền thông về việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình và các hoạt động khác để tăng hiệu ứng lan tỏa của Chương trình.

Chương III

XÁC ĐỊNH, TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Điều 16. Xác định nhiệm vụ thuộc Chương trình¹³

1. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Điểm a, Điểm c Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 16a của Thông tư này.

¹³ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

2. Đối với nhiệm vụ được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về dự án đầu tư phát triển.

3. Đối với nhiệm vụ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 3 của Thông tư này, việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 16b của Thông tư này.

Điều 16a. Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình¹⁴

1. Bộ, ngành, địa phương xây dựng, phê duyệt và gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Đối với dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ đáp ứng tiêu chí, điều kiện lựa chọn quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Thông tư này:

a) Tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu, tài sản trí tuệ chủ động gửi đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Ban chủ nhiệm Chương trình phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tìm kiếm, đề xuất đặt hàng của Bộ Khoa học và Công nghệ trên cơ sở các tiêu chí sau đây:

- Có tính liên vùng, liên ngành;
- Có khả năng thương mại hóa và có tính lan tỏa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ;
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường;
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

3. Việc xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2015/TT-BKHCN ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tổ chức quản lý các Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia; Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 10/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tuyển

¹⁴ Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 11 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

chọn, giao trực tiếp tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 23/2014/TT-BKHHCN ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2014/TT-BKHHCN; Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”; Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

4. Thuyết minh, nhận xét, đánh giá các nhiệm vụ được quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 và Điều 15 của Thông tư này theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Đối với dự án thành thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian quy định tại Điều 9 theo mẫu: B1-1-TMDATG; B1-2-NXDATG, B1-3-ĐGDATG quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 11 theo mẫu: B2-1-TMDAĐT; B2-2-NXDAĐT, B2-3-ĐGDAĐT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Đối với dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ quy định tại Điều 12 theo mẫu: B3-1-TMDAĐG; B3-2-NXDAĐG, B3-3-ĐGDAĐG quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Đối với dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ quy định tại Điều 13 theo mẫu: B4-1-TMDATMH, B4-2-NXDATMH, B4-3-ĐGDATMH quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Đối với dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 14 theo mẫu: B5-1-TMDAXT, B5-2-NXDAXT, B5-3-ĐGDAXT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

e) Đối với dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ quy định tại Điều 15 theo mẫu: B6-1-TMDATT, B6-2-NXDATT, B6-3-ĐGDATT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Yêu cầu tra cứu thông tin đối với các nhiệm vụ quy định tại Điều 7, 9, 11, 12, 13, 14 và Điều 15 theo mẫu B7-YCTrC quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Các tài liệu khác áp dụng mẫu tương ứng theo quy định của các văn bản pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 16b. Xác định, tổ chức thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ¹⁵

1. Hàng năm, các đơn vị trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ gửi thuyết minh nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ theo mẫu B8-1-TMNV quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ. Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tổng hợp rà soát, tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định danh mục nhiệm vụ theo phương thức giao trực tiếp.

2. Căn cứ Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn và tổ chức thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ (*sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định*).

3. Hội đồng thẩm định:

a) Thành phần hội đồng thẩm định gồm 05 thành viên, trong đó:

- Một (01) chủ tịch hội đồng là đại diện của Ban Chủ nhiệm Chương trình;
- Một (01) phó chủ tịch hội đồng là chuyên gia trong lĩnh vực phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

- Ba (03) thành viên là đại diện của các đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ Tài chính và Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

b) Nguyên tắc làm việc của hội đồng thẩm định:

- Phải có mặt ít nhất 4/5 số thành viên hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.

- Hội đồng lập Biên bản thẩm định nội dung, kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo mẫu B8-2-BBTĐ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Căn cứ kết quả thẩm định của hội đồng thẩm định, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt giao trực tiếp đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

¹⁵ Điều này được bổ sung theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

5. Căn cứ Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ, Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ với tổ chức chủ trì theo mẫu B8-3-HĐ quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu B8-4-BCĐG quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gửi về Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ để tổng hợp, trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ.

7. Hội đồng đánh giá nghiệm thu:

a) Thành phần hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ gồm 05 thành viên, trong đó:

- Một (01) chủ tịch hội đồng là đại diện của Ban Chủ nhiệm Chương trình;

- Một (01) phó chủ tịch hội đồng là chuyên gia trong lĩnh vực phát triển thị trường khoa học và công nghệ;

- Ba (03) thành viên là đại diện của các đơn vị: Vụ Kế hoạch - Tổng hợp, Vụ Tài chính và Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia.

b) Nguyên tắc làm việc của Hội đồng đánh giá nghiệm thu:

- Phải có mặt ít nhất 4/5 số thành viên hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch.

- Hội đồng lập Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ theo mẫu B8-5-BBNT quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Căn cứ Biên bản đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ, Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.

9. Thủ tục thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo mẫu B8-6-TLHD quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 17. (được bãi bỏ)¹⁶

Điều 18. (được bãi bỏ)¹⁷

Điều 19. (được bãi bỏ)¹⁸

¹⁶ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

¹⁷ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

¹⁸ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

Điều 20. (được bãi bỏ)¹⁹

Điều 21. (được bãi bỏ)²⁰

Điều 22. (được bãi bỏ)²¹

Điều 23. (được bãi bỏ)²²

Điều 24. (được bãi bỏ)²³

Chương IV TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 25. Tổ chức thực hiện Chương trình

1. Việc tổ chức thực hiện Chương trình được thực hiện theo Điểm b Khoản 1 Mục IV và Mục V, Điều 1 Quyết định số 2075/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08 tháng 11 năm 2013 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

2. Ban Chủ nhiệm Chương trình được thành lập và hoạt động theo quy chế do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

3.²⁴ Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xác định nhiệm vụ; tiếp nhận đề xuất nhiệm vụ; thực

¹⁹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

²⁰ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

²¹ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

²² Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

²³ Điều này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 16 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

²⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

hiện thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ; tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ và thực hiện các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

4.²⁵ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia phối hợp với Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện thủ tục ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cấp kinh phí, thanh quyết toán kinh phí thực hiện hợp đồng và các nhiệm vụ khác được giao liên quan đến quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.

5.²⁶ Kinh phí cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình và kinh phí hoạt động của Chương trình được đảm bảo từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm cấp cho Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, kinh phí của chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương và các nguồn khác theo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020.

2. Ban hành văn bản hướng dẫn các tổ chức đăng ký tham gia, thực hiện Chương trình.

3. Quyết định thành lập các hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ; quyết định phê duyệt và giao tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ.

4. Phê duyệt nội dung, kinh phí hỗ trợ cho các nhiệm vụ của Chương trình; hướng dẫn bộ, ngành, địa phương tự bố trí kinh phí lồng ghép và phê duyệt, tổ chức triển khai.

5. Phê duyệt nội dung và kinh phí hoạt động của Chương trình để bố trí vào kế hoạch ngân sách khoa học và công nghệ hàng năm.

6. Phê duyệt kế hoạch, mục tiêu, nội dung, dự toán kinh phí, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình; đình chỉ và hủy bỏ hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khi cần thiết; xử lý các vấn đề phát sinh từ các nhiệm vụ bị đình chỉ hoặc hủy bỏ.

²⁵ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

²⁶ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 13 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

7. Phê duyệt quyết toán kinh phí của các nhiệm vụ thuộc Chương trình và kinh phí hoạt động của Chương trình.

Điều 27. Trách nhiệm của Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình; phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng dự toán kinh phí quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình; tổng hợp danh mục đề xuất nhiệm vụ; thống nhất với các đơn vị có liên quan về việc điều chỉnh nội dung, kinh phí thông qua Vụ Kế hoạch - Tổng hợp trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

2. Tổ chức thực hiện thủ tục liên quan đến tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ và đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt; tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp quốc gia đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

3. Chủ trì xây dựng báo cáo định kỳ, sơ kết giữa kỳ, báo cáo đánh giá và tổng kết việc thực hiện Chương trình; tổ chức sơ kết và tổng kết hoạt động của Chương trình.

4. Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện giám sát, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

5. Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hình thức khen thưởng tổ chức, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và có biện pháp xử lý tổ chức, cá nhân vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình.

6. Tư vấn, hỗ trợ hoạt động giao quyền sở hữu, quyền sử dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ được tạo ra từ các nhiệm vụ thuộc Chương trình; báo cáo tình hình khai thác, sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ tạo ra từ các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

7. Xây dựng, duy trì, cập nhật tình hình thực hiện các nhiệm vụ trên trang tin điện tử của Chương trình; thông tin tuyên truyền về hoạt động của Chương trình; phổ biến kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao.

Điều 28. Trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương

1.²⁷ Căn cứ hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành, địa phương chủ động đề xuất nhiệm vụ tham gia Chương trình, hướng dẫn xây dựng kế hoạch

²⁷ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016

và triển khai chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương; tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia và thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao.

2. Bố trí kinh phí, quản lý việc tổ chức thực hiện nội dung nhiệm vụ thuộc Chương trình được lồng ghép với các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền quản lý của bộ, ngành, địa phương.

3. Trong trường hợp cần thiết, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ điều chỉnh mục tiêu, nội dung, hạng mục kinh phí và tiến độ thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình đã được phê duyệt.

4. Định kỳ 6 tháng và hàng năm gửi báo cáo về tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình cho Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

5.²⁸ Xây dựng chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ của bộ, ngành, địa phương trên cơ sở các nội dung của Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020; huy động các nguồn kinh phí khác theo quy định để triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

Điều 29. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì²⁹

1. Tổ chức triển khai các nội dung đã được phê duyệt để thực hiện mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ thuộc Chương trình.

2. Chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của Chương trình theo mục tiêu, nội dung và tiến độ đề ra.

4. Kiến nghị bằng văn bản với Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ) về việc điều chỉnh mục tiêu, nội dung, giải pháp, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Chương trình cho phù hợp với yêu cầu thực tế và quy định hiện hành.

5. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ (6 tháng, hàng năm, sơ kết giữa kỳ, tổng kết) và đột xuất về tình hình triển khai nhiệm vụ của Chương trình và báo cáo quyết toán kinh phí với cấp có thẩm quyền.

²⁸ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 14 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

²⁹ Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 15 Điều 1 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH³⁰**

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2014.
2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.
3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 01/VBHN-BKHCN

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Tùng

³⁰ Điều 2 của Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016 quy định như sau:

“Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2016.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.
3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.”

Phụ lục
MẪU ÁP DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. **B1-1-TMDATG:** Thuyết minh dự án thành thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.
2. **B1-2-NXDATG:** Phiếu nhận xét dự án thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.
3. **B1-3-ĐGDATG:** Phiếu đánh giá dự án thành lập, phát triển hoạt động của tổ chức trung gian.
4. **B2-1-TMDAĐT:** Thuyết minh dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
5. **B2-2-NXDADT:** Phiếu nhận xét dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
6. **B2-3-ĐGDADT:** Phiếu đánh giá dự án tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, chuyên gia phục vụ phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
7. **B3-1-TMDAĐG:** Thuyết minh dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ.
8. **B3-2-NXDADG:** Phiếu nhận xét dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ.
9. **B3-3-ĐGTMĐT:** Phiếu đánh giá dự án đánh giá nhu cầu công nghệ, khả năng cung ứng công nghệ.
10. **B4-1-TMDATMH:** Thuyết minh dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.
11. **B4-2-NXDATMH:** Phiếu nhận xét dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.
12. **B4-3-ĐGTMTMH:** Phiếu đánh giá dự án hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.
13. **B5-1-TMDAXT:** Thuyết minh dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
14. **B5-2-NXDAXT:** Phiếu nhận xét dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
15. **B5-3-ĐGTMXT:** Phiếu đánh giá dự án xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
16. **B6-1-TMDATT:** Thuyết minh dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

17. **B6-2-NXDATT:** Phiếu nhận xét dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
18. **B6-3-ĐGTMĐT:** Phiếu đánh giá dự án truyền thông phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
19. **B7-YCTrC:** Phiếu yêu cầu tra cứu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
20. **B8-1-TMNV:** Thuyết minh nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
21. **B8-2-BBTD:** Biên bản đánh giá nội dung và thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
22. **B8-3-HĐ:** Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
23. **B8-4-BCĐG:** Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
24. **B8-5-BBNT:** Biên bản đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.
25. **B8-6-TTHĐ:** Biên bản thanh lý hợp đồng nhiệm vụ hàng năm, định kỳ về xúc tiến phát triển thị trường khoa học và công nghệ.

Biểu B1-1-TMDATG
08/2016/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH DỰ ÁN THÀNH LẬP,
PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TRUNG GIAN**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên Dự án:	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)		
4	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước:		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức:		
	- Từ nguồn khác:		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:	
		- <i>Kinh phí khoán:..... triệu đồng</i>	
		- <i>Kinh phí không khoán:..... triệu đồng</i>	
6	Chủ nhiệm dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		
7	Thư ký dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		

8	Tổ chức chủ trì thực hiện dự án			
Tên tổ chức chủ trì:.....				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Email:.....			Website:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
Số tài khoản:.....				
Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:.....				
Tên cơ quan chủ quản:.....				
9	Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có):			
9.1. Tổ chức 1:				
Cơ quan chủ quản:.....				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
9.2. Tổ chức 2:				
Cơ quan chủ quản:				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
10	Các cán bộ thực hiện dự án:			
<i>(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu BI-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)</i>				
TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11	<p>Mục tiêu: <i>(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
12	<p>Sự cần thiết thành lập tổ chức trung gian</p> <p><i>12.1. Căn cứ pháp lý:</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>12.2. Hiện trạng và sự cần thiết về hoạt động của tổ chức trung gian</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>12.3. Nhu cầu xã hội</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
13	<p>Khái quát về tổ chức trung gian</p> <p><i>13.1. Tên gọi của tổ chức</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>13.2. Tầm nhìn và sứ mạng</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

13.3. Chức năng và nhiệm vụ

.....

.....

.....

.....

.....

13.4. Cơ cấu tổ chức

.....

.....

.....

.....

.....

14 | Nội dung hoạt động và lộ trình thực hiện**14.1. Nội dung 1**

.....

.....

.....

.....

.....

14.2. Nội dung 2

.....

.....

.....

.....

.....

14.3. Nội dung 3

.....

.....

.....

.....

.....

15 | Năng lực thực hiện dự án

.....

.....

.....

.....

.....

16	Phương án triển khai:
15.1. Phương án tổ chức triển khai:	
.....	
.....	
.....	
.....	
15.2. Phương án về tài chính:	
.....	
.....	
.....	
15.3. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có):	
.....	
.....	
.....	

17	Kết quả, sản phẩm của dự án		
<i>TT</i>	<i>Tên kết quả, sản phẩm</i>	<i>Yêu cầu phải đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1			
2			
3			
...			

18	Lợi ích của dự án
18.1. Góp phần phát triển thị trường khoa học và công nghệ	
.....	
.....	
.....	
.....	
18.2. Góp phần phát triển kinh tế - xã hội	
.....	
.....	
.....	
.....	

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ

19 Tiến độ thực hiện					
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (đồng)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
1	<i>Nội dung 1</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	<i>Nội dung 2</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
3	<i>Nội dung 3</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
	Tổng số:				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20 Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí												
TT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Trong đó									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tư vấn đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	Các nguồn khác: 2.1. <i>Vốn tự có của cơ sở:</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2. <i>Khác (vốn huy động, ...):</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
Cộng:												

*) : chỉ dự toán khi dự án đã được phê duyệt

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ***Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	<i>Tiền công theo chức danh</i>					
1.2	<i>Tiền công thuê chuyên gia</i>					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	<i>Hội thảo khoa học</i>					
4.2	<i>Công tác phí</i>					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) Thuyết minh tiền công lao động

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu...	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn...	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10
7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				365

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	$1.210.000 \times 0,79 \times 100$	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	$1.210.000 \times 0,49 \times 75$	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	$1.210.000 \times 0,49 \times 80$	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	$1.210.000 \times 0,25 \times 80$	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	$1.210.000 \times 0,16 \times 30$	5.808.000
Tổng số:							217.497.500

1.2. Tiền công thuê chuyên gia¹ (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	Chuyên gia trong nước						
1		/					
2		/					
...		/					
II	Chuyên gia nước ngoài						
1							
2							
...							
Tổng số:							

¹ Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:

- Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;
- Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: đồng*

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc*Đơn vị: đồng*

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

(Xem tiếp Công báo số 275 + 276)

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BKHCN ngày 24 tháng 02 năm 2017 hợp nhất Thông tư quy định quản lý Chương trình Phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020

(Tiếp theo Công báo số 273 + 274)

Phụ lục MẪU ÁP DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Khoản 4: Hội thảo khoa học, công tác phí

4.1. Hội thảo khoa học (Thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<i>I</i>	<i>Hội thảo lớn</i>				
1	Người chủ trì				
2	Thư ký hội thảo				
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo				
5	Đại biểu tham dự				
6	Nước uống				
7	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
8	Chi khác theo quy định				
<i>II</i>	<i>Hội thảo chuyên đề</i>				
1	Chủ tịch				
2	Thư ký				

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
3	Đại biểu tham dự				
4	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
5	Nước uống				
6	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
7	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

4.2. Công tác phí

a) Công tác phí trong nước (Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Lần 1: Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ²				
2	Thuê chỗ ở ³				
3	Phụ cấp lưu trú				
II	Lần 2: Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ⁴				
2	Thuê chỗ ở ⁵				
3	Phụ cấp lưu trú				
...					
Tổng số:					

² Theo giá cả thực tế

³ Theo định mức quy định

⁴ Theo giá cả thực tế

⁵ Theo định mức quy định

b) Công tác phí nước ngoài (Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	<i>Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Vé máy bay				
2	Thuê chỗ ở; Thanh toán theo khoán				
3	Tiền ăn và tiêu vật; Thanh toán theo khoán ⁶				
4	Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập/xuất cảnh; Thanh toán theo khoán ⁷				
5	Tiền điện thoại, fax, internet: 80USD/1 đoàn: Thanh toán theo khoán				
6	Tiền thuê phương tiện đi làm việc hàng ngày tại nơi đến công tác: Thanh toán theo hóa đơn nhưng không vượt 80 USD/1 người/1 nước đến công tác				
7	Phí bảo hiểm: Thanh toán theo HĐ tối đa 50 USD/người/chuyến công tác				
8	Lệ phí visa, lệ phí cấp hộ chiếu: Thanh toán theo phiếu thu hợp pháp của cơ quan lãnh sự				
9	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

⁶ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

⁷ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

Khoản 5: Dịch vụ thuê ngoài*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 6: Điều tra, khảo sát (Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC)*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 7: Văn phòng phẩm, in ấn*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 8: Hội đồng tự đánh giá kết quả (Định mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được quy định trong Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 9: Chi quản lý chung (bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 10: Chi khác

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Biểu B1-2-NXDATG
08/2016/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN THÀNH LẬP, PHÁT TRIỂN
HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TRUNG GIAN

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí nhận xét	<i>Nhận xét của chuyên gia</i>				
	4	3	2	1	0
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12, 13]					
- Mục tiêu của dự án					
- Sự cần thiết thành lập tổ chức trung gian	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Khái quát về tổ chức trung gian	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					
2. Nội dung và lộ trình thực hiện [Mục 14, 16]					
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:</i>					
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 17]					
- Đáp ứng được yêu cầu					
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ					
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:</i>					
4. Lợi ích của dự án [Mục 18]					
- Góp phần phát triển thị trường khoa học và công nghệ					
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Góp phần phát triển kinh tế - xã hội					
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:</i>					
5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 19]					
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.					
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Sự phù hợp của tổng dự toán.					
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>					

6. Năng lực thực hiện [Mục 15]					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:</i>					
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu **X**)

1. Đề nghị thực hiện:

1.1. Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoản từng phần

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B1-3-ĐGDATG

08/2016/TT-BKHCHN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN THÀNH LẬP,
PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TRUNG GIAN

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: <i>Tên tổ chức:</i> <i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12, 13]									
- Mục tiêu của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			20
- Sự cần thiết thành lập tổ chức trung gian	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
- Khái quát về tổ chức trung gian	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			
2. Nội dung và lộ trình thực hiện [Mục 14, 16]									
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			20
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 17]									
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20
- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
4. Lợi ích của dự án [Mục 18]									
- Góp phần phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			16
- Góp phần phát triển kinh tế - xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 19]									
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			12
- Sự phù hợp của tổng dự toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
6. Năng lực thực hiện [Mục 15]									
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			12
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:

1.1. Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoản từng phần

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

THUYẾT MINH
DỰ ÁN TỔ CHỨC CÁC KHÓA ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ
CÁN BỘ, CHUYÊN GIA PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên Dự án:	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)		
4	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước:		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức:		
	- Từ nguồn khác:		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán:..... triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán:..... triệu đồng	
6	Chủ nhiệm dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		
7	Thư ký dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		

8 | Tổ chức chủ trì thực hiện dự án

Tên tổ chức chủ trì:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Email:..... Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản:.....

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:.....

Tên cơ quan chủ quản:.....

9 | Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có):

9.1. Tổ chức 1:.....

Cơ quan chủ quản:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

9.2. Tổ chức 2:.....

Cơ quan chủ quản:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

10 | Các cán bộ thực hiện dự án:

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11	Dự báo phát triển <i>11.1. Dự báo phát triển kinh tế - xã hội</i> <i>11.2. Dự báo nhu cầu của thị trường khoa học và công nghệ</i>
12	Phạm vi và đối tượng của dự án <i>12.1. Nội dung đào tạo</i> <i>12.2. Phạm vi đào tạo</i> <i>12.3. Đối tượng đào tạo</i>
13	Mục tiêu: (Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng) <i>13.1. Mục tiêu chung</i>

	<p>13.2. Mục tiêu cụ thể:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
14	<p>Năng lực thực hiện dự án</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
15	<p>Nội dung triển khai: (giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung triển khai của dự án)</p> <p>15.1. Nội dung 1:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>15.2. Nội dung 2:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>15.3. Nội dung 3:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
16	<p>Phương án triển khai:</p> <p>16.1. Phương án tổ chức triển khai:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>

16.2. Phương án về tài chính:

.....

.....

.....

16.3. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có):

.....

.....

.....

17	Kết quả, sản phẩm của dự án		
TT	<i>Tên kết quả, sản phẩm</i>	<i>Yêu cầu phải đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1			
2			
3			
...			

18 Lợi ích của dự án

18.1. Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ

.....

.....

.....

.....

18.2. Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ

.....

.....

.....

.....

18.2. Lợi ích khác

.....

.....

.....

.....

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

19	Tiến độ thực hiện				
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	<i>Nội dung 1</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	<i>Nội dung 2</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
3	<i>Nội dung 3</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20 Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí												
TT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Trong đó									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tư vấn đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	Các nguồn khác: <i>2.1. Vốn tự có của cơ sở:</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: <i>2.2. Khác (vốn huy động,...):</i> - Năm thứ nhất:											

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	- Năm thứ hai:											
	- Năm thứ ba:											
Cộng:												

**) : chỉ dự toán khi dự án đã được phê duyệt*

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ***Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	<i>Tiền công theo chức danh</i>					
1.2	<i>Tiền công thuê chuyên gia</i>					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	<i>Hội thảo khoa học</i>					
4.2	<i>Công tác phí</i>					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) *Thuyết minh tiền công lao động*

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu...	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn...	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10
7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				365

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	$1.210.000 \times 0,79 \times 100$	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	$1.210.000 \times 0,49 \times 75$	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	$1.210.000 \times 0,49 \times 80$	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	$1.210.000 \times 0,25 \times 80$	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	$1.210.000 \times 0,16 \times 30$	5.808.000
Tổng số:							217.497.500

1.2. Tiền công thuê chuyên gia¹ (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	Chuyên gia trong nước						
1		/					
2		/					
...		/					
II	Chuyên gia nước ngoài						
1							
2							
...							
Tổng số:							

¹ Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:

- Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;
- Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: đồng*

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc*Đơn vị: đồng*

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 4: Hội thảo khoa học, công tác phí**4.1. Hội thảo khoa học (Thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN)**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Hội thảo lớn				
1	Người chủ trì				
2	Thư ký hội thảo				
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo				
5	Đại biểu tham dự				
6	Nước uống				
7	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
8	Chi khác theo quy định				
II	Hội thảo chuyên đề				
1	Chủ tịch				
2	Thư ký				
3	Đại biểu tham dự				
4	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
5	Nước uống				
6	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
7	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

4.2. Công tác phí

a) Công tác phí trong nước (Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Lần 1 : Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ²				
2	Thuê chỗ ở ³				
3	Phụ cấp lưu trú				
II	Lần 2 : Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ⁴				
2	Thuê chỗ ở ⁵				
3	Phụ cấp lưu trú				
...					
Tổng số:					

² Theo giá cả thực tế

³ Theo định mức quy định

⁴ Theo giá cả thực tế

⁵ Theo định mức quy định

b) Công tác phí nước ngoài (Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	<i>Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Vé máy bay				
2	Thuê chỗ ở; Thanh toán theo khoán				
3	Tiền ăn và tiêu vật; Thanh toán theo khoán ⁶				
4	Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập/xuất cảnh; Thanh toán theo khoán ⁷				
5	Tiền điện thoại, fax, internet: 80USD/1 đoàn: Thanh toán theo khoán				
6	Tiền thuê phương tiện đi làm việc hàng ngày tại nơi đến công tác: Thanh toán theo hóa đơn nhưng không vượt 80 USD/1 người/1 nước đến công tác				
7	Phí bảo hiểm: Thanh toán theo HĐ tối đa 50 USD/người/ chuyên công tác				
8	Lệ phí visa, lệ phí cấp hộ chiếu: Thanh toán theo phiếu thu hợp pháp của cơ quan lãnh sự				
9	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

⁶ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

⁷ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

Khoản 5: Dịch vụ thuê ngoài*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 6: Điều tra, khảo sát (Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC)*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 7: Văn phòng phẩm, in ấn*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 8: Hội đồng tự đánh giá kết quả (Định mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được quy định trong Thông tư số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 9: Chi quản lý chung (bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện him vụ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 10: Chi khác

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Biểu B2-2-NXDADT
08/2016/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN TỔ CHỨC CÁC KHÓA ĐÀO TẠO,
BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CHUYÊN GIA PHỤC VỤ
PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: <i>Tên tổ chức:</i> <i>Họ và tên cá nhân:</i>

Tiêu chí nhận xét	<i>Nhận xét của chuyên gia</i>				
	4	3	2	1	0
1. Đánh giá chung [Mục 11, 13]					
- Dự báo phát triển kinh tế - xã hội; Dự báo nhu cầu của thị trường khoa học và công nghệ;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 15, 16.1]					
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:</i>	
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 12, 17]	
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Đáp ứng phạm vi, đối tượng của dự án	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:</i>	
4. Lợi ích của dự án [Mục 18]	
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:</i>	
5. Phương án tài chính [Mục 16.2, 19]	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>	

6. Năng lực thực hiện [Mục 14]					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:</i>					
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:

1.1. Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoản từng phần

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B2-3-ĐGDĐT

08/2016/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN TỔ CHỨC CÁC KHÓA
ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CHUYÊN GIA PHỤC VỤ
PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá chung [Mục 11, 13]									
- Dự báo phát triển kinh tế - xã hội; Dự báo nhu cầu của thị trường khoa học và công nghệ;	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 15, 16.1]									
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			20
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 12, 17]									
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20
- Đáp ứng phạm vi, đối tượng của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
4. Lợi ích của dự án [Mục 18]									
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			16
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
5. Phương án tài chính [Mục 16.2, 19]									
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			12
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
6. Năng lực thực hiện [Mục 14]									
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			12
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>				100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:

1.1. Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoản từng phần

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B3-1-TMDADG

08/2016/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CÔNG NGHỆ, KHẢ NĂNG CUNG ỨNG CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên Dự án:	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)		
4	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước:		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức:		
	- Từ nguồn khác:		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán:..... triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán:..... triệu đồng	
6	Chủ nhiệm dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		
7	Thư ký dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		

8	Tổ chức chủ trì thực hiện dự án			
Tên tổ chức chủ trì:.....				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Email:.....			Website:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
Số tài khoản:.....				
Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:.....				
Tên cơ quan chủ quản:.....				
9	Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có):			
9.1. Tổ chức 1:				
Cơ quan chủ quản:.....				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
9.2. Tổ chức 2:				
Cơ quan chủ quản:.....				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
10	Các cán bộ thực hiện dự án:			
<i>(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)</i>				
TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11	Mục tiêu: <i>(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i>
.....	
12	Luận giải về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án
12.1. Luận giải về tính cấp thiết của dự án	
12.2. Luận cứ về tính khả thi và hiệu quả của dự án	
12.3. Tác động của kết quả dự án đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ	
12.4. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội và môi trường	
13	Năng lực thực hiện dự án
.....	

14	Nội dung triển khai: (giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung triển khai của dự án)
<p>14.1. Nội dung 1:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>14.2. Nội dung 2:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>14.3. Nội dung 3:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
15	Phương án triển khai:
<p>15.1. Phương án tổ chức triển khai:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>15.2. Phương án về tài chính:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>15.3. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

16	Kết quả, sản phẩm của dự án		
<i>TT</i>	<i>Tên kết quả, sản phẩm</i>	<i>Yêu cầu phải đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1			
2			
3			
...			
17	Lợi ích của dự án 17.1. Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ 17.2. Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ		

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

18	Tiến độ thực hiện				
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
3	Nội dung 3				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20 Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí												
TT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Trong đó									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tư vấn đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	Các nguồn khác: <i>2.1. Vốn tự có của cơ sở:</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: <i>2.2. Khác (vốn huy động,...):</i> - Năm thứ nhất:											

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	- Năm thứ hai:											
	- Năm thứ ba:											
	Cộng:											

**) : chỉ dự toán khi dự án đã được phê duyệt*

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ***Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	<i>Tiền công theo chức danh</i>					
1.2	<i>Tiền công thuê chuyên gia</i>					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	<i>Hội thảo khoa học</i>					
4.2	<i>Công tác phí</i>					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) Thuyết minh tiền công lao động

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu...	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn...	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10
7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				365

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	$1.210.000 \times 0,79 \times 100$	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	$1.210.000 \times 0,49 \times 75$	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	$1.210.000 \times 0,49 \times 80$	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	$1.210.000 \times 0,25 \times 80$	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	$1.210.000 \times 0,16 \times 30$	5.808.000
Tổng số:							217.497.500

1.2. Tiền công thuê chuyên gia¹ (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	Chuyên gia trong nước						
1		/					
2		/					
...		/					
II	Chuyên gia nước ngoài						
1							
2							
...							
Tổng số:							

¹ Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:

- Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;

- Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: đồng*

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc*Đơn vị: đồng*

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 4: Hội thảo khoa học, công tác phí**4.1. Hội thảo khoa học (Thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Hội thảo lớn				
1	Người chủ trì				
2	Thư ký hội thảo				
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo				
5	Đại biểu tham dự				
6	Nước uống				
7	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
8	Chi khác theo quy định				
II	Hội thảo chuyên đề				
1	Chủ tịch				
2	Thư ký				
3	Đại biểu tham dự				
4	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
5	Nước uống				
6	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
7	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

4.2. Công tác phí

a) Công tác phí trong nước (Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Lần 1: Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ²				
2	Thuê chỗ ở ³				
3	Phụ cấp lưu trú				
II	Lần 2: Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ⁴				
2	Thuê chỗ ở ⁵				
3	Phụ cấp lưu trú				
...					
Tổng số:					

² Theo giá cả thực tế

³ Theo định mức quy định

⁴ Theo giá cả thực tế

⁵ Theo định mức quy định

b) Công tác phí nước ngoài (Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Ghi rõ địa điểm đến				
1	Vé máy bay				
2	Thuê chỗ ở; Thanh toán theo khoán				
3	Tiền ăn và tiêu vật; Thanh toán theo khoán ⁶				
4	Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập/xuất cảnh; Thanh toán theo khoán ⁷				
5	Tiền điện thoại, fax, internet: 80 USD/1 đoàn: Thanh toán theo khoán				
6	Tiền thuê phương tiện đi làm việc hàng ngày tại nơi đến công tác: Thanh toán theo hóa đơn nhưng không vượt 80 USD/1 người/1 nước đến công tác				
7	Phí bảo hiểm: Thanh toán theo HĐ tối đa 50 USD/người/chuyến công tác				
8	Lệ phí visa, lệ phí cấp hộ chiếu: Thanh toán theo phiếu thu hợp pháp của cơ quan lãnh sự				
9	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

⁶ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

⁷ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

Khoản 5: Dịch vụ thuê ngoài*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 6: Điều tra, khảo sát (Thực hiện theo thông tư số 58/2011/TT-BTC)*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 7: Văn phòng phẩm, in ấn*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 8: Hội đồng tự đánh giá kết quả (Định mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được quy định trong Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 9: Chi quản lý chung (bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 10: Chi khác

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Biểu B3-2-NXDADG

08/2016/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN ĐÁNH GIÁ NHU CẦU CÔNG NGHỆ,
KHẢ NĂNG CUNG ỨNG CÔNG NGHỆ

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí nhận xét	<i>Nhận xét của chuyên gia</i>				
	4	3	2	1	0
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12]					
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15.1]					
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>					
6. Năng lực thực hiện [Mục 13]					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:</i>					
Ý kiến đánh giá tổng hợp					
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

- 1. Đề nghị thực hiện:
 - 1.1 Khoản đến sản phẩm cuối cùng
 - 1.2 Khoản từng phần
- 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B3-3-ĐGDADG

.../2016/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN
TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐÁNH GIÁ NHU CẦU
CÔNG NGHỆ, KHẢ NĂNG CUNG ỨNG CÔNG NGHỆ

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12]									
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15.1]									
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			20
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 16]									
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20

- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
4. Lợi ích của dự án [Mục 13]					
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			16
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 18]					
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			12
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
6. Năng lực thực hiện [Mục 13]					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			12
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>				100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:

1.1. Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoản từng phần

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B4-1-TMDATMH
08./2016/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH DỰ ÁN HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI HÓA KẾT QUẢ
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ,
TÀI SẢN TRÍ TUỆ**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên Dự án:	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)		
4	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước:		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức:		
	- Từ nguồn khác:		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán:..... triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán:..... triệu đồng	
6	Chủ nhiệm dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		
7	Thư ký dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		

8	Tổ chức chủ trì thực hiện dự án			
Tên tổ chức chủ trì:..... Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:..... Địa chỉ:..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức:..... Số tài khoản:..... Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:..... Tên cơ quan chủ quản:.....				
9	Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có):			
9.1. Tổ chức 1: Cơ quan chủ quản:..... Điện thoại:..... Fax:..... Địa chỉ:..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức:..... 9.2. Tổ chức 2: Cơ quan chủ quản:..... Điện thoại:..... Fax:..... Địa chỉ:..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
10	Các cán bộ thực hiện dự án:			
(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)				
TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11	Xuất xứ
<p>[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đó được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị (<i>tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền</i>); - Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (<i>tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp</i>); - Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (<i>hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan</i>); - Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.] <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
12	Mục tiêu: (<i>Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng</i>)
<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
13	Luận giải về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án
<p>13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường của dự án</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>13.3. Tác động của kết quả dự án đến phát triển thị trường KH&CN</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

14	Năng lực thực hiện dự án
15	<p>Nội dung triển khai: <i>(giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung triển khai của dự án)</i></p> <p>15.1. Nội dung 1:</p> <p>15.2. Nội dung 2:</p> <p>15.3. Nội dung 3:</p>
16	<p>Phương án triển khai:</p> <p>16.1. Phương án tổ chức triển khai:</p> <p>16.2. Phương án về tài chính:</p>

16.3. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có):			
17	Kết quả, sản phẩm của dự án		
TT	Tên kết quả, sản phẩm	Yêu cầu phải đạt	Ghi chú
1			
2			
3			
....			
18	Lợi ích của dự án		
	18.1. Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ		
	18.2. Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ		
	18.3. Lợi ích khác		

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

18 Tiến độ thực hiện					
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (đồng)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
1	<i>Nội dung 1</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	<i>Nội dung 2</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
3	<i>Nội dung 3</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20 Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí												
TT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Trong đó									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tự đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	Các nguồn khác: <i>2.1. Vốn tự có của cơ sở:</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: <i>2.2. Khác (vốn huy động,...):</i> - Năm thứ nhất:											

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	- Năm thứ hai:											
	- Năm thứ ba:											
	Cộng:											

**) : chỉ dự toán khi dự án đã được phê duyệt*

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ***Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	<i>Tiền công theo chức danh</i>					
1.2	<i>Tiền công thuê chuyên gia</i>					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	<i>Hội thảo khoa học</i>					
4.2	<i>Công tác phí</i>					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) Thuyết minh tiền công lao động

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu...	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn...	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10
7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				365

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	$1.210.000 \times 0,79 \times 100$	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	$1.210.000 \times 0,49 \times 75$	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	$1.210.000 \times 0,49 \times 80$	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	$1.210.000 \times 0,25 \times 80$	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	$1.210.000 \times 0,16 \times 30$	5.808.000
Tổng số:							217.497.500

1.2. Tiền công thuê chuyên gia¹ (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	Chuyên gia trong nước						
1							
2							
...							
II	Chuyên gia nước ngoài						
1							
2							
...							
Tổng số:							

¹ Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:

- Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;

- Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: đồng*

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc*Đơn vị: đồng*

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 4: Hội thảo khoa học, công tác phí**4.1. Hội thảo khoa học (Thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Hội thảo lớn				
1	Người chủ trì				
2	Thư ký hội thảo				
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo				
5	Đại biểu tham dự				
6	Nước uống				
7	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
8	Chi khác theo quy định				
II	Hội thảo chuyên đề				
1	Chủ tịch				
2	Thư ký				
3	Đại biểu tham dự				
4	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
5	Nước uống				
6	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
7	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

4.2. Công tác phí

a) Công tác phí trong nước (Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Lần 1 : Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ²				
2	Thuê chỗ ở ³				
3	Phụ cấp lưu trú				
II	Lần 2 : Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ⁴				
2	Thuê chỗ ở ⁵				
3	Phụ cấp lưu trú				
...					
Tổng số:					

² Theo giá cả thực tế

³ Theo định mức quy định

⁴ Theo giá cả thực tế

⁵ Theo định mức quy định

b) Công tác phí nước ngoài (Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	<i>Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Vé máy bay				
2	Thuê chỗ ở; Thanh toán theo khoán				
3	Tiền ăn và tiêu vật; Thanh toán theo khoán ⁶				
4	Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập/xuất cảnh; Thanh toán theo khoán ⁷				
5	Tiền điện thoại, fax, internet: 80USD/1 đoàn: Thanh toán theo khoán				
6	Tiền thuê phương tiện đi làm việc hàng ngày tại nơi đến công tác: Thanh toán theo hóa đơn nhưng không vượt 80 USD/1 người/1 nước đến công tác				
7	Phí bảo hiểm: Thanh toán theo HĐ tối đa 50 USD/ người/chuyến công tác				
8	Lệ phí visa, lệ phí cấp hộ chiếu: Thanh toán theo phiếu thu hợp pháp của cơ quan lãnh sự				
9	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

⁶ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

⁷ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

Khoản 5: Dịch vụ thuê ngoài*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 6: Điều tra, khảo sát (Thực hiện theo thông tư số 58/2011/TT-BTC)*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 7: Văn phòng phẩm, in ấn*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 8: Hội đồng tự đánh giá kết quả (Định mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được quy định trong Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 9: Chi quản lý chung (bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 10: Chi khác

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Biểu B4-2-NXDATMH
08/2016/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI HÓA
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ, TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí nhận xét	<i>Nhận xét của chuyên gia</i>				
	4	3	2	1	0
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12, 13]					
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 15, 16.1]					
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>					
6. Năng lực thực hiện [Mục 14]					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:</i>					
Ý kiến đánh giá tổng hợp			<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

- 1. Đề nghị thực hiện:
 - 1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng
 - 1.2 Khoán từng phần
- 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
- 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B4-3-ĐGDATMH

08/2016/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN HỖ TRỢ THƯƠNG MẠI
HÓA KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ, TÀI SẢN TRÍ TUỆ

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Chuyên giá đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12]									
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15.1]									
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			20
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 16]									
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20

- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
4. Lợi ích của dự án [Mục 13]					
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			16
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 18]					
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			12
- Sự phù hợp của tổng dự toán	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
6. Năng lực thực hiện [Mục 13]					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			12
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>				100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:

1.1. Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2. Khoán từng phần

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...

(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B5-1-TMDAXT

08/2016/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên Dự án:	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)		
4	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước:		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức:		
	- Từ nguồn khác:		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán:..... triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán:..... triệu đồng	
6	Chủ nhiệm dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		
7	Thư ký dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		

8	Tổ chức chủ trì thực hiện dự án			
Tên tổ chức chủ trì:..... Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:..... Địa chỉ:..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức:..... Số tài khoản:..... Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:..... Tên cơ quan chủ quản:.....				
9	Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có):			
9.1. Tổ chức 1: Cơ quan chủ quản:..... Điện thoại:..... Fax:..... Địa chỉ:..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức:..... 9.2. Tổ chức 2: Cơ quan chủ quản:..... Điện thoại:..... Fax:..... Địa chỉ:..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
10	Các cán bộ thực hiện dự án:			
(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)				
TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11	Mục tiêu: <i>(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i>
12	Luận giải về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án <i>12.1. Luận giải về tính cấp thiết của dự án</i> <i>12.2. Luận cứ về tính khả thi và hiệu quả của dự án</i> <i>12.3. Tác động của kết quả dự án đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ</i> <i>12.4. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội và môi trường</i>
13	Năng lực thực hiện dự án

14	Nội dung triển khai: (giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung triển khai của dự án)
<p>14.1. Nội dung 1:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>14.2. Nội dung 2:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>14.3. Nội dung 3:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
15	Phương án triển khai:
<p>15.1. Phương án tổ chức triển khai:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>15.2. Phương án về tài chính:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>15.3. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

18 Tiến độ thực hiện					
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	<i>Nội dung 1</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	<i>Nội dung 2</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
3	<i>Nội dung 3</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20 Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí												
TT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Trong đó									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tự đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	Các nguồn khác: 2.1. <i>Vốn tự có của cơ sở:</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2. <i>Khác (vốn huy động,...):</i> - Năm thứ nhất:											

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	- Năm thứ hai:											
	- Năm thứ ba:											
	Cộng:											

**) : chỉ dự toán khi dự án đã được phê duyệt*

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

(Xem tiếp Công báo số 277 + 278)

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BKHCN ngày 24 tháng 02 năm 2017 hợp nhất Thông tư quy định quản lý Chương trình Phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020

(Tiếp theo Công báo số 275 + 276)

Phụ lục MẪU ÁP DỤNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Phụ lục

DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	<i>Tiền công theo chức danh</i>					
1.2	<i>Tiền công thuê chuyên gia</i>					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	<i>Hội thảo khoa học</i>					
4.2	<i>Công tác phí</i>					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) Thuyết minh tiền công lao động

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu...	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn...	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				365

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	$1.210.000 \times 0,79 \times 100$	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	$1.210.000 \times 0,49 \times 75$	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	$1.210.000 \times 0,49 \times 80$	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	$1.210.000 \times 0,25 \times 80$	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	$1.210.000 \times 0,16 \times 30$	5.808.000
Tổng số:							217.497.500

1.2. Tiền công thuê chuyên gia¹ (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	Chuyên gia trong nước						
1		/					
2		/					
...		/					
II	Chuyên gia nước ngoài						
1							
2							
...							
Tổng số:							

¹ Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:

- Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;
- Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: đồng*

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc*Đơn vị: đồng*

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 4: Hội thảo khoa học, công tác phí**4.1. Hội thảo khoa học (Thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN)***Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Hội thảo lớn				
1	Người chủ trì				
2	Thư ký hội thảo				
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo				
5	Đại biểu tham dự				
6	Nước uống				
7	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
8	Chi khác theo quy định				
II	Hội thảo chuyên đề				
1	Chủ tịch				
2	Thư ký				
3	Đại biểu tham dự				
4	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
5	Nước uống				
6	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
7	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

4.2. Công tác phí

a) **Công tác phí trong nước** (Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Lần 1: Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ²				
2	Thuê chỗ ở ³				
3	Phụ cấp lưu trú				
II	Lần 2: Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ⁴				
2	Thuê chỗ ở ⁵				
3	Phụ cấp lưu trú				
...					
Tổng số:					

² Theo giá cả thực tế

³ Theo định mức quy định

⁴ Theo giá cả thực tế

⁵ Theo định mức quy định

b) Công tác phí nước ngoài (Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	<i>Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Vé máy bay				
2	Thuê chỗ ở; Thanh toán theo khoán				
3	Tiền ăn và tiêu vật; Thanh toán theo khoán ⁶				
4	Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập/xuất cảnh; Thanh toán theo khoán ⁷				
5	Tiền điện thoại, fax, internet: 80USD/1 đoàn; Thanh toán theo khoán				
6	Tiền thuê phương tiện đi làm việc hàng ngày tại nơi đến công tác; Thanh toán theo hóa đơn nhưng không vượt 80 USD/1 người/1 nước đến công tác				
7	Phí bảo hiểm; Thanh toán theo HĐ tối đa 50 USD/người/ chuyến công tác				
8	Lệ phí visa, lệ phí cấp hộ chiếu; Thanh toán theo phiếu thu hợp pháp của cơ quan lãnh sự				
9	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

⁶ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

⁷ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

Khoản 5: Dịch vụ thuê ngoài*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 6: Điều tra, khảo sát (Thực hiện theo thông tư số 58/2011/TT-BTC)*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 7: Văn phòng phẩm, in ấn*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 8: Hội đồng tự đánh giá kết quả (Định mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được quy định trong Thông tư số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 9: Chi quản lý chung (bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 10: Chi khác

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Biểu B5-2-NXDAXT

08/2016/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí nhận xét	<i>Nhận xét của chuyên gia</i>				
	4	3	2	1	0
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12]					
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					

2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15.1]	
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:</i>	
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 16]	
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:</i>	
4. Lợi ích của dự án [Mục 13]	
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:</i>	
5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 18]	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Sự phù hợp của tổng dự toán	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>								
6. Năng lực thực hiện [Mục 13]								
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:</i>								
Ý kiến đánh giá tổng hợp				<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:
- 1.1 Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoản từng phần
2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B5-3-ĐGDAXT

08/2016/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12]									
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2		20	
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15.1]									
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3		20	
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			

3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 16]							
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2	20
- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3	
4. Lợi ích của dự án [Mục 13]							16
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2	
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2	
5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 18]							12
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1	
- Sự phù hợp của tổng dự toán	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2	
6. Năng lực thực hiện [Mục 13]							12
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2	
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>		100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X) 1. Đề nghị thực hiện:1.1 Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoản từng phần 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây. 3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).***(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)******Nhận xét, kiến nghị:***

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày..... tháng..... năm 20...

(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B5-1-TMDATT

08/2016/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH DỰ ÁN TRUYỀN THÔNG PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên Dự án:	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)		
4	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước:		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức:		
	- Từ nguồn khác:		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:	
		- Kinh phí khoán:..... triệu đồng	
		- Kinh phí không khoán:..... triệu đồng	
6	Chủ nhiệm dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		
7	Thư ký dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		

8	Tổ chức chủ trì thực hiện dự án			
Tên tổ chức chủ trì:.....				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Email:.....			Website:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
Số tài khoản:.....				
Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:.....				
Tên cơ quan chủ quản:.....				
9	Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có):			
9.1. Tổ chức 1:				
Cơ quan chủ quản:.....				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
9.2. Tổ chức 2:				
Cơ quan chủ quản:.....				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
10	Các cán bộ thực hiện dự án:			
<i>(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)</i>				
TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11	Mục tiêu: <i>(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i>
<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
12	Luận giải về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án
<p><i>12.1. Luận giải về tính cấp thiết của dự án</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>12.2. Luận cứ về tính khả thi và hiệu quả của dự án</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>12.3. Tác động của kết quả dự án đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p><i>12.4. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội và môi trường</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
13	Năng lực thực hiện dự án
<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

14	Nội dung triển khai: (giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung triển khai của dự án)
<p>14.1. Nội dung 1:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>14.2. Nội dung 2:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>14.3. Nội dung 3:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
15	Phương án triển khai:
<p>15.1. Phương án tổ chức triển khai:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>15.2. Phương án về tài chính:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>15.3. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

16	Kết quả, sản phẩm của dự án		
<i>TT</i>	<i>Tên kết quả, sản phẩm</i>	<i>Yêu cầu phải đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1			
2			
3			
...			
17	Lợi ích của dự án		
17.1. Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
17.2. Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			
.....			

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

18	Tiến độ thực hiện				
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (đồng)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>	<i>(6)</i>
1	<i>Nội dung 1</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	<i>Nội dung 2</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
3	<i>Nội dung 3</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20 Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí												
TT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Trong đó									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tư vấn đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	Các nguồn khác: 2.1. <i>Vốn tự có của cơ sở:</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2. <i>Khác (vốn huy động...):</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
Cộng:												

*) : chỉ dự toán khi dự án đã được phê duyệt

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(*Họ tên và chữ ký*)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(*Họ và tên, chữ ký, đóng dấu*)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(*Họ và tên, chữ ký, đóng dấu*)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(*Họ tên và chữ ký*)

Phụ lục**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ***Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	<i>Tiền công theo chức danh</i>					
1.2	<i>Tiền công thuê chuyên gia</i>					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	<i>Hội thảo khoa học</i>					
4.2	<i>Công tác phí</i>					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) Thuyết minh tiền công lao động

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu...	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn...	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				365

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	$1.210.000 \times 0,79 \times 100$	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	$1.210.000 \times 0,49 \times 75$	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	$1.210.000 \times 0,49 \times 80$	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	$1.210.000 \times 0,25 \times 80$	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	$1.210.000 \times 0,16 \times 30$	5.808.000
Tổng số:							217.497.500

1.2. Tiền công thuê chuyên gia¹ (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	Chuyên gia trong nước						
1		/					
2		/					
...		/					
II	Chuyên gia nước ngoài						
1							
2							
...							
Tổng số:							

¹ Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:

- Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;
- Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: đồng*

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc*Đơn vị: đồng*

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 4: Hội thảo khoa học, công tác phí**4.1. Hội thảo khoa học (Thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)***Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Hội thảo lớn				
1	Người chủ trì				
2	Thư ký hội thảo				
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo				
5	Đại biểu tham dự				
6	Nước uống				
7	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
8	Chi khác theo quy định				
II	Hội thảo chuyên đề				
1	Chủ tịch				
2	Thư ký				
3	Đại biểu tham dự				
4	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
5	Nước uống				
6	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
7	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

4.2. Công tác phí

a) *Công tác phí trong nước* (Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<i>I</i>	<i>Lần 1: Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Tàu xe, đi lại ²				
2	Thuê chỗ ở ³				
3	Phụ cấp lưu trú				
<i>II</i>	<i>Lần 2: Ghi rõ địa điểm đến</i>				
1	Tàu xe, đi lại ⁴				
2	Thuê chỗ ở ⁵				
3	Phụ cấp lưu trú				
...					
Tổng số:					

² Theo giá cả thực tế

³ Theo định mức quy định

⁴ Theo giá cả thực tế

⁵ Theo định mức quy định

b) Công tác phí nước ngoài (Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Ghi rõ địa điểm đến				
1	Vé máy bay				
2	Thuê chỗ ở; Thanh toán theo khoán				
3	Tiền ăn và tiêu vật; Thanh toán theo khoán ⁶				
4	Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập/xuất cảnh; Thanh toán theo khoán ⁷				
5	Tiền điện thoại, fax, internet: 80 USD/1 đoàn: Thanh toán theo khoán				
6	Tiền thuê phương tiện đi làm việc hàng ngày tại nơi đến công tác: Thanh toán theo hóa đơn nhưng không vượt 80 USD/1 người/1 nước đến công tác				
7	Phí bảo hiểm: Thanh toán theo HĐ tối đa 50 USD/người/chuyến công tác				
8	Lệ phí visa, lệ phí cấp hộ chiếu: Thanh toán theo phiếu thu hợp pháp của cơ quan lãnh sự				
9	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

⁶ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

⁷ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

Khoản 5: Dịch vụ thuê ngoài*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 6: Điều tra, khảo sát (Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC)*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 7: Văn phòng phẩm, in ấn*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 8: Hội đồng tự đánh giá kết quả (Định mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được quy định trong Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 9: Chi quản lý chung (bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 10: Chi khác

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Biểu B5-2-NXDAXT
08/2016/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí nhận xét	<i>Nhận xét của chuyên gia</i>				
	4	3	2	1	0
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12]					
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					

2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15.1]	
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:</i>	
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 16]	
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:</i>	
4. Lợi ích của dự án [Mục 13]	
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:</i>	

5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 18]	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>	
6. Năng lực thực hiện [Mục 13]	
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:</i>	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:
- 1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoán từng phần
2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày.... tháng.... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B5-3-ĐGDAXT
08/2016/TT-BKHCN

BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	Chuyên gia đánh giá					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12]									
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15.1]									
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			20
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 16]									
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20

- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	3			
4. Lợi ích của dự án [Mục 13]					
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			16
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 18]					
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			12
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			
6. Năng lực thực hiện [Mục 13]					
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	2			12
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>	1			
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>				100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:

1.1 Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoản từng phần

2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày.... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B5-1-TMDATT
08/2016/TT-BKHCN

**THUYẾT MINH DỰ ÁN TRUYỀN THÔNG PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên Dự án:	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (từ tháng...../20.... đến tháng...../20....)		
4	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó		
	Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	
	- Từ Ngân sách nhà nước:		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức:		
	- Từ nguồn khác:		
5	Phương thức khoán chi:		
	<input type="checkbox"/> Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng	<input type="checkbox"/> Khoán chi từng phần, trong đó:	
		- <i>Kinh phí khoán:..... triệu đồng</i>	
		- <i>Kinh phí không khoán:..... triệu đồng</i>	
6	Chủ nhiệm dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		
7	Thư ký dự án:		
	Họ và tên:.....		
	Ngày, tháng, năm sinh:.....	Giới tính: Nam <input type="checkbox"/> /Nữ: <input type="checkbox"/>	
	Học hàm, học vị:.....	Chức vụ:.....	
	Điện thoại: Tổ chức:.....	Di động:.....	
	Fax:.....	E-mail:.....	
	Tên tổ chức đang công tác:.....		
	Địa chỉ tổ chức:.....		

8	Tổ chức chủ trì thực hiện dự án			
Tên tổ chức chủ trì:.....				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Email:.....			Website:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
Số tài khoản:.....				
Kho bạc nhà nước/Ngân hàng:.....				
Tên cơ quan chủ quản:.....				
9	Các tổ chức phối hợp chính thực hiện nhiệm vụ (nếu có):			
9.1. Tổ chức 1:				
Cơ quan chủ quản:.....				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
9.2. Tổ chức 2:				
Cơ quan chủ quản:.....				
Điện thoại:.....			Fax:.....	
Địa chỉ:.....				
Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....				
10	Các cán bộ thực hiện dự án:			
<i>(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN. Những thành viên tham gia khác lập danh sách theo mẫu này và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)</i>				
TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

11	Mục tiêu: <i>(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng)</i>
12	Luận giải về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án <i>12.1. Luận giải về tính cấp thiết của dự án</i> <i>12.2. Luận cứ về tính khả thi và hiệu quả của dự án</i> <i>12.3. Tác động của kết quả dự án đến phát triển thị trường khoa học và công nghệ</i> <i>12.4. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội và môi trường</i>
13	Năng lực thực hiện dự án

14	Nội dung triển khai: (giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung triển khai của dự án)
<p>14.1. Nội dung 1:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>14.2. Nội dung 2:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>14.3. Nội dung 3:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	
15	Phương án triển khai:
<p>15.1. Phương án tổ chức triển khai:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>15.2. Phương án về tài chính:</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>15.3. Phương án hợp tác quốc tế (nếu có):</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>	

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

18	Tiến độ thực hiện				
TT	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí (đồng)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	<i>Nội dung 1</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
2	<i>Nội dung 2</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				
3	<i>Nội dung 3</i>				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
				

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: triệu đồng

20 Nhu cầu kinh phí thực hiện và nguồn kinh phí												
TT	Nguồn kinh phí	Tổng cộng	Trong đó									
			Công lao động trực tiếp	Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Hội thảo, công tác phí	Dịch vụ thuê ngoài	Điều tra, khảo sát	Văn phòng phẩm, in ấn	Hội đồng tư vấn đánh giá	Chi quản lý chung	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
2	Các nguồn khác: <i>2.1. Vốn tự có của cơ sở:</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: <i>2.2. Khác (vốn huy động,...):</i> - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:											
Cộng:												

*) : chỉ dự toán khi dự án đã được phê duyệt

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Tổ chức chủ trì dự án
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Chủ nhiệm dự án
(Họ tên và chữ ký)

Phụ lục**DỰ TOÁN CHI TIẾT KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ***Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung các khoản chi	Dự kiến kinh phí		Kinh phí cấp theo tiến độ		
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Công lao động trực tiếp					
1.1	<i>Tiền công theo chức danh</i>					
1.2	<i>Tiền công thuê chuyên gia</i>					
2	Nguyên vật liệu, năng lượng					
3	Thiết bị, máy móc					
4	Hội thảo khoa học, công tác phí					
4.1	<i>Hội thảo khoa học</i>					
4.2	<i>Công tác phí</i>					
5	Dịch vụ thuê ngoài					
6	Điều tra khảo sát					
7	Văn phòng phẩm, in ấn					
8	Hội đồng tự đánh giá kết quả					
9	Chi quản lý chung					
10	Chi khác					
Tổng số:						

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1: Công lao động trực tiếp

1.1. Tiền công theo chức danh

a) Thuyết minh tiền công lao động

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
1	Nghiên cứu tổng quan	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, báo cáo tổng quan vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn B	5
2	Đánh giá thực trạng	Báo cáo thực trạng vấn đề cần nghiên cứu	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
3	Thu thập thông tin, tài liệu, dữ liệu; xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Báo cáo kết quả thu thập tài liệu, dữ liệu, xử lý số liệu, phân tích thông tin, tài liệu, dữ liệu	Nguyễn Văn A	5
			Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	30
4	Nội dung nghiên cứu 1	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 1	Nguyễn Văn D	30
			Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn A	25
5	Nội dung nghiên cứu 2	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn 2	Nguyễn Văn A	10
			Nguyễn Văn B	30
6	Nội dung nghiên cứu...	Báo cáo về kết quả nghiên cứu chuyên môn...	Nguyễn Văn C	30
			Nguyễn Văn D	10

STT	Nội dung công việc	Dự kiến kết quả	Thành viên	Thời gian thực hiện (ngày)
7	Tiến hành thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ	Báo cáo về kết quả thí nghiệm, thử nghiệm, thực nghiệm, khảo sát, chế tạo, sản xuất; trình công nghệ	Nguyễn Văn A	15
			Nguyễn Văn C	10
			Nguyễn Văn E	30
8	Đề xuất giải pháp, kiến nghị, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và đề xuất khác	Báo cáo kết quả về kiến nghị, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, chế phẩm, mô hình, ấn phẩm khoa học và kết quả khác	Nguyễn Văn B	20
			Nguyễn Văn D	10
9	Tổng kết, đánh giá	Báo cáo thống kê, báo cáo tóm tắt và báo cáo tổng hợp	Nguyễn Văn A	25
Tổng cộng:				365

b) Bảng tính tiền công theo chức danh

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương cơ sở	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)	Số ngày	Công thức tính	Thành tiền
1	Nguyễn Văn A	Chủ nhiệm nhiệm vụ	1.210.000	0,79	100	$1.210.000 \times 0,79 \times 100$	95.590.000
2	Nguyễn Văn B	Thư ký khoa học	1.210.000	0,49	75	$1.210.000 \times 0,49 \times 75$	44.467.500
3	Nguyễn Văn C	Thành viên thực hiện chính	1.210.000	0,49	80	$1.210.000 \times 0,49 \times 80$	47.432.000
4	Nguyễn Văn D	Thành viên	1.210.000	0,25	80	$1.210.000 \times 0,25 \times 80$	24.200.000
5	Nguyễn Văn E	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	1.210.000	0,16	30	$1.210.000 \times 0,16 \times 30$	5.808.000
Tổng số:							217.497.500

1.2. Tiền công thuê chuyên gia¹ (trong và ngoài nước)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Thành tiền
I	Chuyên gia trong nước						
1							
2							
...							
II	Chuyên gia nước ngoài						
1							
2							
...							
Tổng số:							

¹ Trong thuyết minh nêu rõ nhu cầu và nội dung công việc, kết quả, được hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, đơn vị chủ trì thực hiện thương thảo mức thuê:

- Đối với chuyên gia trong nước: không quá 40 triệu/người/tháng (tháng tính trên cơ sở 22 ngày làm việc). Tổng dự toán không quá 30% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh;

- Đối với chuyên gia ngoài nước: không quá 50% tổng dự toán tiền công lao động cho các chức danh.

Khoản 2: Nguyên vật liệu, năng lượng*Đơn vị: đồng*

STT	Tên vật tư, nguyên vật liệu và quy cách kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 3: Thiết bị, máy móc*Đơn vị: đồng*

STT	Thiết bị, máy móc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 4: Hội thảo khoa học, công tác phí**4.1. Hội thảo khoa học (Thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)**

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Hội thảo lớn				
1	Người chủ trì				
2	Thư ký hội thảo				
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
4	Báo cáo khoa học được đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo				
5	Đại biểu tham dự				
6	Nước uống				
7	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
8	Chi khác theo quy định				
II	Hội thảo chuyên đề				
1	Chủ tịch				
2	Thư ký				
3	Đại biểu tham dự				
4	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo				
5	Nước uống				
6	In ấn, phô tô, văn phòng phẩm				
7	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

4.2. Công tác phí

a) **Công tác phí trong nước** (Thực hiện theo Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan NN và đơn vị sự nghiệp công lập)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Lần 1: Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ²				
2	Thuê chỗ ở ³				
3	Phụ cấp lưu trú				
II	Lần 2: Ghi rõ địa điểm đến				
1	Tàu xe, đi lại ⁴				
2	Thuê chỗ ở ⁵				
3	Phụ cấp lưu trú				
...					
Tổng số:					

² Theo giá cả thực tế

³ Theo định mức quy định

⁴ Theo giá cả thực tế

⁵ Theo định mức quy định

b) Công tác phí nước ngoài (Thực hiện theo Thông tư số 102/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Nhà nước)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Ghi rõ địa điểm đến				
1	Vé máy bay				
2	Thuê chỗ ở; Thanh toán theo khoán				
3	Tiền ăn và tiêu vật; Thanh toán theo khoán ⁶				
4	Tiền thuê phương tiện từ sân bay, ga tàu, bến xe, cửa khẩu khi nhập/xuất cảnh; Thanh toán theo khoán ⁷				
5	Tiền điện thoại, fax, internet: 80USD/1 đoàn: Thanh toán theo khoán				
6	Tiền thuê phương tiện đi làm việc hàng ngày tại nơi đến công tác: Thanh toán theo hóa đơn nhưng không vượt 80 USD/1 người/1 nước đến công tác				
7	Phí bảo hiểm: Thanh toán theo HĐ tối đa 50 USD/ người/chuyến công tác				
8	Lệ phí visa, lệ phí cấp hộ chiếu: Thanh toán theo phiếu thu hợp pháp của cơ quan lãnh sự				
9	Chi khác theo quy định				
Tổng số:					

⁶ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

⁷ Định mức khoán theo từng nước đến công tác

Khoản 5: Dịch vụ thuê ngoài*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 6: Điều tra, khảo sát (Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC)*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 7: Văn phòng phẩm, in ấn*Đơn vị: đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 8: Hội đồng tự đánh giá kết quả (Định mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Quốc gia được quy định trong Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 9: Chi quản lý chung (bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Khoản 10: Chi khác

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
3					
...					
Tổng số:					

Biểu B6-2-NXDATT
08/2016/TT-BKHCN

PHIẾU NHẬN XÉT
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN TRUYỀN THÔNG PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên chuyên gia:

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí nhận xét	<i>Nhận xét của chuyên gia</i>				
	4	3	2	1	0
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12]					
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 1:</i>					

2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15.1]	
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 2:</i>	
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 16]	
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 3:</i>	
4. Lợi ích của dự án [Mục 13]	
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 4:</i>	

5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 18]	
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 5:</i>	
6. Năng lực thực hiện [Mục 13]	
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>
<i>Ý kiến nhận xét đối với tiêu chí 6:</i>	
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/>

Ghi chú: Điểm nhận xét của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:
- 1.1 Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoản từng phần
2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

Nhận xét, giải thích cho kiến nghị trên:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày.... tháng..... năm 20...
(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B6-3-ĐGDATT
08/2016/TT-BKHCN

**BỘ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ KH&CN
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN TUYỂN
CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
KH&CN CẤP QUỐC GIA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC
VÀ CÁ NHÂN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN TRUYỀN THÔNG
PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Tên dự án:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:	
<i>Tên tổ chức:</i>	
<i>Họ và tên cá nhân:</i>	

Tiêu chí đánh giá	<i>Chuyên gia đánh giá</i>					Hệ số	Điểm	Σ	Điểm tối đa
	4	3	2	1	0				
1. Đánh giá chung [Mục 11, 12]									
- Luận giải được tính khả thi và hiệu quả của dự án	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20
- Mục tiêu của dự án đáp ứng được yêu cầu về phát triển thị trường khoa học và công nghệ và kinh tế - xã hội.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			
2. Nội dung và phương án triển khai [Mục 14, 15.1]									
- Các nội dung thực hiện phù hợp để đạt được mục tiêu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			20
- Tính khả thi của phương án tổ chức triển khai	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			
3. Sản phẩm, kết quả của dự án [Mục 16]									
- Đáp ứng được yêu cầu	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2			20
- Có khả năng phát triển thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	3			

4. Lợi ích của dự án [Mục 13]						
- Góp phần thúc đẩy giao dịch công nghệ trên thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
- Góp phần hình thành và phát triển mạng lưới tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
5. Phương án tài chính [Mục 15.2, 18]						
- Phương án huy động vốn ngoài ngân sách SNKH để thực hiện.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1
- Sự phù hợp của tổng dự toán.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
6. Năng lực thực hiện [Mục 13]						
- Năng lực tổ chức, quản lý của chủ trì dự án và các cá nhân tham gia.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	2
- Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	1
Ý kiến đánh giá tổng hợp	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	100

Ghi chú: Điểm đánh giá của chuyên gia theo thang điểm:

4 = Rất tốt; 3 = Tốt; 2 = Trung bình; 1 = Kém; 0 = Rất kém

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X)

1. Đề nghị thực hiện:
 1.1 Khoản đến sản phẩm cuối cùng 1.2 Khoản từng phần
2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
3. Không thực hiện (có kết quả đánh giá tổng hợp là “Kém” hoặc “Rất kém”).

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá lớn hơn 70 điểm)**Nhận xét, kiến nghị:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày.... tháng..... năm 20...

(Chuyên gia đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

Biểu B7-YCTrC
08/2016/TT-BKHCN

YÊU CẦU TRA CỨU THÔNG TIN
Về các nhiệm vụ KH&CN có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN
tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp

I. Thông tin về nhiệm vụ KH&CN

1. Cơ quan chủ trì:
2. Họ và Tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm:
3. Tên nhiệm vụ KH&CN:
4. Mục tiêu:
5. Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt:

II. Kết quả tra cứu về đề tài, dự án có liên quan đã và đang thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Năm bắt đầu - kết thúc	Mục tiêu	Kết quả đã (hoặc dự kiến) đạt được	Tên tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
...				

....., ngày... tháng... năm 20...

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN CUNG CẤP THÔNG TIN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

B8-1-TMNV

08/2016/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ HÀNG NĂM, ĐỊNH KỲ VỀ
XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Thuộc Chương trình phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020)

I. THÔNG TIN VỀ NHIỆM VỤ:

- 1. Tên nhiệm vụ:
- 2. Thời gian thực hiện:
- 3. Tổ chức chủ trì:

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KỲ TRƯỚC (NĂM TRƯỚC)

- 1. Đánh giá kết quả:

.....

.....

.....

- 2. Thuận lợi, khó khăn và kiến nghị

.....

.....

.....

.....

III. MỤC TIÊU NĂM...

- 1. Mục tiêu tổng quát:

.....

.....

- 2. Mục tiêu cụ thể:

.....

.....

IV. NỘI DUNG VÀ DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM...

- 1. Nhiệm vụ 1:

- Mục đích.....

- Nội dung hoạt động.....

.....

- Kinh phí.....
- Dự kiến kết quả.....

2. *Nhiệm vụ 2:*

- Mục đích.....
- Nội dung hoạt động.....
- Kinh phí.....
- Dự kiến kết quả.....

3. *Nhiệm vụ 3:*

- Mục đích.....
- Nội dung hoạt động.....
- Kinh phí.....
- Dự kiến kết quả.....

V. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

TT	Các nội dung, công việc chính	Dự kiến kết quả	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Dự kiến kinh phí (đồng)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1	<i>Nhiệm vụ 1</i>			
	- Hoạt động 1			
	- Hoạt động 2			
			
2	<i>Nhiệm vụ 2</i>			
	- Hoạt động 1			
	- Hoạt động 2			
			

TT	Các nội dung, công việc chính	Dự kiến kết quả	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Dự kiến kinh phí (đồng)
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
3	<i>Nhiệm vụ 3</i>			
	- Hoạt động 1			
	- Hoạt động 2			
			

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 20...

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm 20....

Thủ trưởng
Cơ quan quản lý kinh phí
(Họ và tên, chữ ký, đóng dấu)

Phụ lục

**DỰ TOÁN KINH PHÍ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ ĐỊNH KỲ, HÀNG NĂM
PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CÔNG NGHỆ NĂM....**
(Kèm theo Thuyết minh nhiệm vụ.....)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Căn cứ pháp lý
I	Nội dung 1					
II	Nội dung 2					
III	Nội dung 3					
	Tổng cộng:					

Thủ trưởng đơn vị

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

B. Nhận xét về dự toán kinh phí: *(Nêu ý kiến nhận xét những mục nào trong dự toán chưa phù hợp, nên hiệu chỉnh như thế nào là hợp lý và sơ bộ dự kiến kinh phí)*

1. Công lao động:

- Dự toán:

- Kết quả thẩm định:.....

2. Triển lãm:

- Dự toán:

- Kết quả thẩm định:.....

3. Tổ chức hội nghị, hội thảo:

- Dự toán:

- Kết quả thẩm định:.....

4. Truyền thông:

- Dự toán:

- Kết quả thẩm định:.....

5. Công tác phí:

- Dự toán:

- Kết quả thẩm định:.....

6. Chi khác:

- Dự toán:

- Kết quả thẩm định:.....

C. Kiến nghị:

1. Dự kiến tổng kinh phí cần thiết:..... triệu đồng;

2. Phương thức thực hiện:

Biên bản được lập xong lúc..... giờ, ngày..... tháng..... năm..... và các thành viên thẩm định nhất trí thông qua./.

Vụ Kế hoạch - Tổng hợp

Vụ Tài chính

**Chuyên gia về phát triển thị trường
khoa học và công nghệ**

**Quỹ phát triển
khoa học và công nghệ quốc gia**

Ban Chủ nhiệm Chương trình

B8-3-HĐ

08/2016/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN.....

Số:.....

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Căn cứ..... (Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ này)

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật khoa học và công nghệ).

- Do Ông/Bà.....

- Chức vụ:..... làm đại diện.

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Email:.....

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ):

.....

- Do Ông/Bà:.....

- Chức vụ:..... làm đại diện.

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Email:.....

- Số tài khoản:.....

- Tại:.....

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện... (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ "... " theo các nội dung trong Thuyết minh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện nhiệm vụ là..... tháng, từ tháng..... năm 20..... đến tháng... năm 20.....

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Nhiệm vụ được thực hiện theo hình thức: Khoán chi một phần/Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ là..... (bằng chữ)

3. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phụ hợp với quy định pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên**1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện nhiệm vụ theo Thuyết minh;

e) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

f) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

g) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao để thực hiện nhiệm vụ;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

f) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

g) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

h) Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện và gửi cho Bên A để tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

i) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

k) Công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi được Bên A cho phép;

l) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định pháp luật.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Nhiệm vụ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này;

b) Nhiệm vụ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức “không đạt” thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước...¹ tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi khách quan hoặc...² tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi chủ quan.

2. Đối với nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện nhiệm vụ và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

3. Đối với nhiệm vụ bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước...³ tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi khách quan hoặc...⁴ tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi chủ quan.

^{1, 2, 3, 4} Các bên xác định mức bồi hoàn căn cứ theo quy định pháp luật hiện hành về mức xử lý trách nhiệm đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không hoàn thành.

4. Đối với nhiệm vụ không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện nhiệm vụ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng⁵

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ được thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của nhiệm vụ.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự)⁶.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... Hợp đồng này được lập thành... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ... bản./.

BÊN A

(Bên đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

BÊN B

(Bên nhận đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu - nếu có)

⁵ Bỏ nội dung này đối với nhiệm vụ không có tài sản nào được mua sắm bằng kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước.

⁶ Các bên thỏa thuận và chỉ ghi trong Hợp đồng một hình thức giải quyết là Trọng tài hoặc Tòa án.

B8-4-BCĐG

08/2016/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ HÀNG NĂM, ĐỊNH KỶ VỀ XÚC TIẾN PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

.....

Thuộc: Chương trình phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

.....

.....

3. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

5. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Quyết định số...:

Bắt đầu:

Kết thúc:

II. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ:

<i>TT</i>	<i>Tên kết quả, sản phẩm</i>	<i>Yêu cầu phải đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1			
2			
3			
...			

2. Về số lượng, khối lượng sản phẩm:

3. Về tiến độ thực hiện:

4. Về tình hình sử dụng kinh phí:

5. Về hiệu quả và lợi ích của nhiệm vụ:

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người hoặc tổ chức khác trái với quy định của pháp luật./.

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Biểu B8-5-BBNT

08/2016/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU
KẾT QUẢ NHIỆM VỤ HÀNG NĂM, ĐỊNH KỲ VỀ XÚC TIẾN
PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Địa điểm và thời gian họp nghiệm thu:

Thời gian:

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

Địa điểm:

3. Số đại biểu tham dự họp nghiệm thu:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
2		
3		
...		

II. Nội dung đánh giá nghiệm thu

1. Mục tiêu chính nhiệm vụ:

2. Các nội dung thực hiện nhiệm vụ:

a. Triển lãm (số lượng, quy mô, địa điểm)

b. Hội thảo khoa học (số lượng và quy mô, địa điểm tổ chức):

c. Khảo sát, công tác trong nước, ngoài nước (Nội dung khảo sát, số đợt khảo sát, số người tham gia, thời gian, địa điểm):

d. Hợp tác quốc tế (Nội dung dự kiến hợp tác, số đoàn ra, đoàn vào, số người tham gia, thời gian, địa điểm):

e. Nội dung khác:

3. Danh mục sản phẩm đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và hợp đồng:

<i>TT</i>	<i>Tên kết quả, sản phẩm</i>	<i>Yêu cầu phải đạt</i>	<i>Ghi chú</i>
1			
2			
3			
...			

4. Tiến độ và thời gian thực hiện:... tháng:

C. Kết luận, kiến nghị:**Vụ Kế hoạch - Tổng hợp****Vụ Tài chính****Chuyên gia về phát triển thị trường
khoa học và công nghệ****Quỹ phát triển
khoa học và công nghệ quốc gia****Ban Chủ nhiệm Chương trình**

B8-6-TLHD

08/2016/TT-BKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN.....

Số:.....

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Căn cứ..... (*Ghi các văn bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ này*)

Căn cứ Hợp đồng¹..... số..... ngày.....

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A) là: (Ghi tên tổ chức có thẩm quyền ký kết Hợp đồng KH&CN được quy định tại Khoản 2 Điều 27 Luật khoa học và công nghệ).

- Do Ông/Bà.....

- Chức vụ:..... làm đại diện.

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:..... Email:.....

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B) là: (Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ):

.....
- Do Ông/Bà:.....

- Chức vụ:..... làm đại diện.

¹ Ghi tên Hợp đồng được thanh lý

- Địa chỉ:.....
 - Điện thoại:..... Email:.....
 - Số tài khoản:.....
 - Tại:.....

Cùng thỏa thuận và thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng.....²
 số..... ngày.... (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ

Đối với trường hợp nhiệm vụ hoàn thành

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện nhiệm vụ “.....”³, theo các nội dung trong Thuyết minh được Bên A phê duyệt và các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Thời gian thực hiện nhiệm vụ là... tháng, từ tháng... năm 20... đến tháng... năm 20...

2. Bên A đã tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả nhiệm vụ ngày... tháng... năm 20.... (Kèm theo Bản sao Biên bản đánh giá nghiệm thu và Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ).

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu, báo cáo nêu trong Thuyết minh nhiệm vụ và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số... (Kèm theo Danh mục liệt kê).

Đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành:

1. Bên B đã tổ chức việc thực hiện nhiệm vụ “.....”, theo các nội dung trong Thuyết minh nhiệm vụ được Bên A phê duyệt và các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Thời gian thực hiện nhiệm vụ là... tháng, từ tháng... năm 20... đến tháng... năm 20...

2. Nhiệm vụ “...” được xác nhận là không hoàn thành (Kèm theo Quyết định đình chỉ (hoặc dừng) thực hiện nhiệm vụ hoặc nhiệm vụ ở mức không đạt).

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu và các kết quả khác của nhiệm vụ phù hợp với khối lượng công việc đã được xác minh là hoàn thành (Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết).

Điều 2. Xử lý tài chính của nhiệm vụ

Đối với nhiệm vụ hoàn thành:

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ là:..... triệu đồng;
2. Kinh phí Bên B đề nghị và đã được Bên A chấp nhận quyết toán là:... triệu đồng.

² Ghi tên Hợp đồng được thanh lý

³ Ghi tên của nhiệm vụ

Đối với trường hợp nhiệm vụ không hoàn thành:

1. Kinh phí Bên A đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ là:.... triệu đồng;

2. Kinh phí bên B đã sử dụng đề nghị quyết toán là:.... triệu đồng;

3. Kinh phí được bên A chấp nhận quyết toán là:.... triệu đồng

(Kèm theo Biên bản xác nhận nội dung đã được thực hiện và chấp nhận quyết toán kinh phí của cấp có thẩm quyền);

4. Số kinh phí bên B phải hoàn trả ngân sách nhà nước là:..... triệu đồng
(Ghi Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định số kinh phí Bên B phải hoàn trả)

Đến nay Bên B đã hoàn trả xong số kinh phí nêu trên cho ngân sách nhà nước
(Kèm theo tài liệu xác nhận)

Điều 3. Xử lý tài sản của nhiệm vụ *(áp dụng cho nhiệm vụ hoàn thành và không hoàn thành)*

Ghi kết quả xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho nhiệm vụ và kết quả xử lý tài sản được tạo ra từ kết quả của nhiệm vụ *(Kèm theo Quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.)*

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ.... bản./.

BÊN A

(Bên đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)

BÊN B

(Bên nhận đặt hàng)

(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu -
nếu có)